| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BA TRI -TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-02-2020
V/v "*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn* "

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông Nguyễn Văn Lớn.

2/ Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 26, 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 550/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị M, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*4. Người làm chứng:*

*4.1. Người làm chứng do nguyên đơn triệu tập:*

Bà Thái Thị Kim C, sinh năm 1973;

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959;

Bà Phan Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, Bến Tre.

*4.2. Người làm chứng do bị đơn triệu tập:*

Bà Phan Thị D, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2019, trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:*

Anh và chị Trịnh Thị D đã ly hôn theo quyết định số 229/2017/QĐST- HNGĐ ngày 20/7/2017, về con chung Nguyễn Gia B sinh ngày 01/5/2015 do chị Trịnh Thị D nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 800.000 đồng đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng. Do chị D đã có chồng, có con và đang sinh sống với gia đình bên chồng còn cháu Nguyễn Gia B sống với bà ngoại là Trần Thị M, anh nhận thấy chị D đã có chồng và có con, cháu B thì chị D giao cho mẹ ruột là bà Mum nuôi nhưng bà Mum đã lớn tuổi nên không thuận tiện chăm sóc, dạy dỗ, đưa rước đi học; trong khi anh hiện có thu nhập hàng tháng 3.000.000 đồng từ lương làm bảo vệ trường học, anh có chăn nuôi, trồng lúa, làm muối và hiện anh chưa lập gia đình nên có nhiều thời gian chăm sóc con. Bản thân anh là con trai duy nhất trong gia đình, cháu B là cháu nội duy nhất của cha mẹ anh nên anh yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, anh yêu cầu được nuôi cháu B và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

** Theo bản tự khai, trong quá trình tố tụng bị đơn chị Trịnh Thị D trình bày:*

Anh Nguyễn Minh T yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Gia B thì chị không đồng ý. Tuy chị có gia đình khác nhưng chị và chồng chị vẫn thương cháu B, khi chị lập gia đình mới thì chị định đem cháu B theo nhưng do mẹ ruột nói để bà chăm sóc cháu B và chị thấy mẹ chị thương cháu B, sức khoẻ còn tốt nên để cháu B cho bà chăm sóc. Tuy chị đi làm nhưng thường xuyên về thăm con và chu cấp tiền cho mẹ chị để nuôi cháu B, thu nhập của chị đảm bảo để nuôi con. Anh T hiện chưa lập gia đình mới nhưng thời gian tới có thể Anh T cũng lập gia đình. Anh T cho rằng, chị gởi cháu B cho mẹ ruột nuôi không tốt thì chị sẽ dẫn cháu B lên Thành phố để trực tiếp chăm sóc. Trước giờ chị là người chăm sóc cháu B, khi chị kết hôn và lên thành phố làm thì chị

chu cấp đầy đủ và thường xuyên về thăm con. Hiện cháu B còn nhỏ nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày:*

Trong thời gian hôn nhân với anh Nguyễn Minh T thì chị Trịnh Thị D vẫn thường xuyên về sống chung với bà nên bà giúp chị D chăm sóc cháu B từ nhỏ, sau khi chị D và Anh T ly hôn khoảng 01 năm thì chị D có gia đình khác. Do bà có nhiều thời gian rảnh, sức khoẻ tốt nên nói chị D để cháu B cho bà chăm sóc dùm, do bà chăm sóc cháu B từ lúc nhỏ nên bà rất thương, cháu B hiện học lớp mẫu giáo bà đưa rước cháu đi học đầy đủ, về tiền chi tiêu thì do chị D chu cấp. Trước giờ bà vẫn chăm sóc cháu B tốt.

*Tại Toà:

Anh Nguyễn Minh T trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, anh xác định nguyên nhân anh yêu cầu thay đổi người nuôi con là vì chị D có gia đình khác và đã có con, cháu Nguyễn Gia B thì do mẹ ruột chị D là bà Trần Thị M chăm sóc. Sau khi ly hôn, anh vẫn cấp dưỡng nuôi cháu B nhưng khi đến thăm thì phải thập thò, có khi bà Mum chửi. Khi chị D yêu cầu cơ quan Thi hành án về tiền cấp dưỡng thì anh cũng cấp dưỡng nhưng từ từ, anh có tiền để cấp dưỡng nhưng anh không muốn cấp dưỡng vì để thay đổi người nuôi con. Trong quá trình bà Mum chăm sóc cháu B có bỏ bê hay không thì không biết nhưng anh có điều kiện tốt hơn để nuôi con. Hiện anh chưa có gia đình, có thu nhập ổn định, anh còn trẻ và anh có nhiều thời gian để chăm sóc con. Dù chị D trực tiếp nuôi con thì cũng không thuận tiện vì chị D có gia đình khác và đã có con, hơn nữa anh không tin là chồng của chị D thương cháu B.

Chị Trịnh Thị D trình bày: Chị không đồng ý với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của Anh T vì cháu B vẫn được chăm sóc tốt. Việc mẹ ruột bà Trần Thị M đang chăm sóc cháu B không phải vì chị có gia đình khác mà bỏ cháu B cho mẹ ruột nuôi mà vì mẹ ruột chị nói để cháu B cho bà chăm sóc và chị thấy mẹ chị đã phụ chị chăm sóc cháu B từ lúc nhỏ, bà rất thương cháu, mẹ chị còn khỏe và có thời gian rãnh đưa rước cháu đi học nên để cháu B cho mẹ ruột chăm sóc. Tuy chị đi buôn bán trên thành phố nhưng cũng thường xuyên về thăm con, hàng tháng đều có về và có khi nữa tháng về, tiền chi tiêu nuôi dưỡng cháu B thì chị chu cấp đầy đủ, hiện cháu B có sức khoẻ tốt, phát triển bình thường. Trường hợp Anh T cho rằng chị không trực tiếp nuôi thì chị sẽ đem cháu B theo chị. Việc Anh T cho rằng mẹ chị chửi khi Anh T thăm con là không có, còn việc cấp dưỡng nuôi con Anh T cấp dưỡng được tháng đầu sau đó không thực hiện nên chị có yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành nhưng Cơ quan

thi hành án phải mời nhiều lần và Anh T cũng không cấp dưỡng đủ. Do lúc trước chị không hiểu nên cho rằng Anh T không cấp dưỡng thì không cho thăm con nhưng sau đó chị hiểu không cho Anh T thăm con là không đúng nên chị nói mẹ chị tạo điều kiện cho Anh T thăm con.

* Người làm chứng bà Thái Thị Kim C trình bày: Bà là mợ dâu của Anh T và cũng ở gần nhà, bà nhận thấy Anh T có đủ điều kiện nuôi con vì Anh T có thu nhập, có khả năng chăm sóc cháu B.

* Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là cha ruột của Nguyễn Minh T. Theo ông, Anh T có đủ điều kiện nuôi con, vì Anh T có thu nhập. Khi chị D và Anh T ly hôn thì ông cũng có mong muốn Anh T nuôi cháu B nhưng do lúc đó cháu B còn nhỏ nên Anh T đồng ý giao cháu B cho chị D nuôi. Ông mong muốn rước cháu B về nuôi để chăm sóc, giáo dục tốt, hiện ông đã về hưu và gia đình ông có cuộc sống ổn định.

* Người làm chứng bà  Phan Thị T trình bày: Bà là mẹ ruột của Anh T, bà cũng mong rước cháu B về để chăm sóc, giáo dục. Theo bà thì Anh T có đủ điều kiện để nuôi con, bà cũng có nhiều thời gian rãnh để giúp Anh T chăm sóc cháu B.

* Người làm chứng bà Phan Thị D trình bày: Bà là mợ dâu của chị D và cũng ở gần nhà bà Mum. Bà nhận thấy bà Mum chăm sóc cháu B tốt, đưa rước đi học có khi đợi tan học rước về. Anh T thì đến thăm con lúc 7 giờ tối, có khi hơn 7 giờ tối do bà Mum lớn tuổi nên đóng cửa ngủ sớm. Anh T đến thăm cháu B thì không gõ cửa vào thăm mà cứ đi vòng vòng rồi qua nhà bên cạnh nói bà Mum không cho thăm.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm*:

Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử đúng như thành phần quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục, thể hiện vô tư, khách quan. Đối với đương sự, người làm chứng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 229/2017/QĐST- HNGĐ ngày 20/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Ba Tri thì chị D được quyền trực tiếp nuôi con, Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 800.000 đồng. Sau ly hôn Anh T có thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chưa đầy đủ. Qua quá trình xác minh và lời trình bày của đương sự, về điều kiện kinh tế thì Anh T, chị D có điều kiện kinh tế đảm bảo để nuôi con. Tuy nhiên chị D không trực tiếp nuôi dưỡng cháu B nên Anh T yêu cầu thay đổi người nuôi con là có cơ sở. Căn cứ điều 81, 82, 84 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Anh T được quyền nuôi dưỡng cháu B, ghi nhận sự tự nguyện của Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Từ các lời trình bày trên;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 01/5/2015, chị D thì không đồng ý theo yêu cầu của Anh T. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 229/2017/QĐST- HNGĐ ngày 20/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Ba Tri, thì con chung của Anh T và chị D là cháu Nguyễn Gia B do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 800.000đ đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Do Anh T thấy chị D đã kết hôn và có con, cháu B chị D không trực tiếp nuôi dưỡng mà giao cho mẹ ruột là bà Trần Thị M chăm sóc. Qua lời trình bày đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và quá trình xác minh xác định Anh T và chị D đều có khả năng kinh tế để nuôi con. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Anh T không tự giác mà còn chậm trễ và đến nay Anh T thực hiện việc cấp dưỡng cũng không đầy đủ; trong khi Anh T có khả năng kinh tế. Anh T tới lui thăm cháu B cũng không nhiều và chưa có sự sắp xếp thời gian hợp lý khi đến thăm con. Còn đối với chị D, chị D vi phạm trong việc không trực tiếp chăm sóc cháu B thường xuyên, chị D dù đi làm xa nhưng thường về thăm con, chu cấp tiền đầy đủ để nuôi cháu B. Từ đó cho thấy, tình thương và sự quan tâm chăm sóc của Anh T đối với con không nhiều so với chị D. Cháu B hiện vẫn còn nhỏ nên cần sự thương yêu, quan tâm chăm sóc nhiều hơn, tuy thời gian qua chị D có sự vi phạm trong việc không trực tiếp chăm sóc cháu B thường xuyên nhưng cháu B vẫn được chăm sóc tốt. Hơn nữa, chị D cũng đưa ra biện pháp là chị sẽ trực tiếp chăm sóc cháu B. Do đó, cháu B tiếp tục giao cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Bởi chị D tuy có vi phạm trong việc không trực tiếp chăm sóc cháu B thường xuyên nhưng hiện cháu B vẫn được chăm sóc tốt và chị D đưa ra biện pháp khắc phục là chị sẽ trực tiếp nuôi con. Đối với Anh T thì tình thương và sự quan tâm đến cháu B không nhiều so với chị D thể hiện qua việc thăm nôm và quá trình cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Nguyễn Minh T phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T đối với chị Trịnh Thị D về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 01/5/2015.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Nguyễn Minh T phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006781 ngày 19/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Hạnh**

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Lưu hồ sơ.